

Số:

Kon Tum, ngày tháng năm

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

Ngày 16 tháng 10 năm 2023, Sở Tư pháp nhận được bản giấy hồ sơ đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: “*Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy và người làm công tác cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Kon Tum*”⁽¹⁾ (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị quyết). Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết và các văn bản pháp luật có liên quan, căn cứ Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật⁽²⁾; Điều 52 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP), Sở Tư pháp bước đầu báo cáo thẩm định như sau:

1. Sự cần thiết ban hành

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 39; khoản 3 Điều 65 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật phòng, chống ma túy, Luật xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy; Khoản 1, khoản 8, khoản 11 Điều 5; khoản 2, khoản 3 Điều 6; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 7 Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết để quy định cụ thể những nội dung được giao trong văn bản có giá trị pháp lý cao hơn (Nghị định của Chính phủ; Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính) là cần thiết, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015⁽³⁾.

2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

2.1. Phạm vi điều chỉnh

(1) Theo đề nghị của Sở Lao động- Thương binh và Xã hội tại Công văn số 2196/SLĐTBXH-TEBĐGTNXH ngày 13 tháng 10 năm 2023.

(2) Đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

(3) Nghị quyết đã được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định việc xây dựng tại Thông báo số 29/TB-TTHĐND ngày 25 tháng 8 năm 2023.

Theo dự kiến tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội dự kiến tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy và người làm công tác cai nghiện ma túy (*người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện ma túy tại gia đình cộng đồng theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã*) trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 3 Điều 39; khoản 3 Điều 65 Nghị định 116/2021/NĐ-CP; khoản 1, khoản 8, khoản 11 Điều 5, khoản 2, khoản 3 Điều 6, khoản 3, khoản 4 Điều 7 Thông tư số 62/2022/TT-BTC thì Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính **không giao** Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định **nội dung** hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy và người làm công tác cai nghiện ma túy. Như vậy, việc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội dự kiến tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy và người làm công tác cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh là vượt quá phạm vi được Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Từ lý do trên, đề nghị Sở Lao động, Thương binh và Xã hội **không tham mưu** Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy và người làm công tác cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh mà chỉ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đối với những nội dung đã được Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định. Khi không tham mưu quy định nội dung hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy và người làm công tác cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý tên gọi (*trích yếu*) của dự thảo Nghị quyết cho phù hợp với phạm vi điều chỉnh của dự thảo; rà soát, chỉnh lý các nội dung khác có liên quan trong dự thảo.

2.2. Đối tượng áp dụng

Một trong các đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết được dự kiến tại điểm a khoản 2 Điều 1 là: “*người nghiện ma túy trong thời gian chờ lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật Xử lý vi phạm hành chính*”. Toàn bộ dự thảo không quy định mức hỗ trợ hoặc các quy định khác có liên quan tới đối tượng được dự kiến nêu trên. Vì vậy, việc dự kiến đối tượng áp dụng: “*người nghiện ma túy trong thời gian chờ lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật Xử lý vi phạm hành chính*” là không cần thiết. Tương tự, điểm c khoản 2 Điều 1 quy định đối tượng áp dụng: “*Người nghiện bị quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú*” cũng không cần thiết.

Từ những lý do nêu trên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại các đối tượng áp dụng được dự kiến nêu trên.

3. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật; sự phù hợp

của nội dung dự thảo Nghị quyết với văn bản đã giao cho Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại một số nội dung sau:

3.1. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, chỉnh lý phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng với lý do đã được cơ quan thẩm định trình bày tại mục 2 của Báo cáo này.

3.2. Theo dự kiến tại điểm a khoản 1, ký hiệu (-) thứ nhất điểm a, điểm b khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết, **mức hỗ trợ** đối với người nghiện ma túy bị áp dụng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc⁽⁴⁾; hỗ trợ tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần cho người cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy công lập⁽⁵⁾; hỗ trợ 01 lần kinh phí cai nghiện đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng⁽⁶⁾ **không cao hơn mức** đã được Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã quy định; không mở rộng đối tượng được hỗ trợ so với đối tượng đã được Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, không tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quy định các mức hỗ trợ nêu trên (*Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chỉ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định khi quy định mức hỗ trợ cao hơn, đối tượng mở rộng hơn so với quy định của Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính*).

3.3. Khoản 3 Điều 3 dự thảo dự kiến: “*Các nội dung, mức hỗ trợ khác không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện bằng mức hỗ trợ, mức chi theo quy định tại tại Thông tư số 62/2022/TT-BTC...*”. Sở Tư pháp nhận thấy, dự thảo Nghị quyết không quy định mức chi. Vì vậy, việc quy định như dự kiến là chưa phù hợp. Bên cạnh đó, khi không tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân quy định một số mức hỗ trợ cao hơn mức đã được Chính phủ quy định tại Nghị định 116/2021/NĐ-CP; Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tại Thông tư số 62/2022/TT-BTC thì cần quy định thực hiện mức hỗ trợ bằng mức được quy định tại Nghị định 116/2021/NĐ-CP, Thông tư số 62/2022/TT-BTC. Từ vấn đề nêu trên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, biên tập lại nội dung được dự kiến tại khoản 3 Điều 3 cho phù hợp.

3.4. Về mức hỗ trợ cụ thể, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ quy định của pháp luật, khả năng đáp ứng của ngân sách địa phương để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định (*Sở Tư pháp không thẩm định đối với mức hỗ trợ cụ thể trong dự thảo Nghị quyết*).

4. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Dự thảo Nghị quyết chưa được trình bày đúng quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Chương V Nghị định số

⁽⁴⁾ Điểm a khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị quyết

⁽⁵⁾ Ký hiệu (-) thứ nhất điểm a khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết

⁽⁶⁾ Điểm b khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết

34/2016/NĐ-CP⁽⁷⁾; Mẫu số 16 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ quy định tại Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP; Mẫu số 16 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP để trình bày đúng quy định.

5. Trình tự, thủ tục xây dựng văn bản

Cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan đối với dự thảo Nghị quyết⁽⁸⁾; phối hợp tổ chức việc đăng tải toàn văn dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo quy định tại Điều 120 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

6. Điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh

Do kỹ thuật soạn thảo văn bản, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và một số nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết chưa phù hợp với quy định của pháp luật nên Sở Tư pháp nhận thấy, dự thảo Nghị quyết **chưa đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh** xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ quy định của pháp luật, các ý kiến thẩm định bước đầu được cơ quan thẩm định nêu trong Báo cáo này và thực tiễn thực hiện chức năng tham mưu quản lý nhà nước về phòng chống ma túy, tệ nạn xã hội nói chung, quản lý nhà nước về cai nghiện ma túy, sau cai nghiện ma túy nói riêng để tiếp tục tổ chức nghiên cứu, rà soát, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo. Sau khi dự thảo đã được hoàn thiện, đề nghị tiếp tục gửi đến Sở Tư pháp để lấy ý kiến thẩm định. Trong quá trình nghiên cứu, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo quan tâm tới ý kiến tham gia, trao đổi trực tiếp của Sở Tư pháp và các cơ quan, tổ chức liên quan để đảm bảo chất lượng của dự thảo trước khi gửi lấy ý kiến thẩm định.

Trên đây là báo cáo thẩm định bước đầu của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: “*Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy và người làm công tác cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Kon Tum*”. Kính gửi Sở Lao động- Thương binh và Xã hội theo đề nghị./.

Nơi nhận:

- Sở Lao động- Thương binh và Xã hội;
- Lãnh đạo Sở;
- Văn phòng Sở;
- Lưu: VT, XDKTr&PBPL/STP.

GIÁM ĐỐC

Trần Minh Thắng

⁽⁷⁾ Đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ

⁽⁸⁾ Được Sở Lao động- Thương binh và Xã hội nêu tại Công văn số 2196/SLĐTBXH-TEBĐGTNXH ngày 13 tháng 10 năm 2023.